

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bích Thủy;
- Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường NH, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1987; Địa chỉ: 36/3/2 TST, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: 36/3/2 TST, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; Địa chỉ liên lạc: Thôn CC1, xã Thủy Bằng, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022, bản tự khai ngày 14/02/2023 của anh Lê Văn P và bản tự khai của chị Nguyễn Thị Khánh Q ngày 15 tháng 02 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của anh Lê Văn P tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 18/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh P ở 36/3/2 TST, phường AH, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nên hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau về mặt tình cảm, hiện nay chị Q đã về nhà mẹ đẻ để ở, không ai quan tâm đến nhau. Vì vậy nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P gửi đơn xin được ly hôn với chị Q.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Khánh Q trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn như lời anh P trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, trên thực tế vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm, bản thân chị Q đã về nhà mẹ đẻ để sống, không ai còn quan tâm đến nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh P xin ly hôn thì chị Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q xác nhận, vợ chồng có hai con chung tên là Lê Nguyễn An N, sinh ngày 14/3/2014 và Lê Nguyễn An N., sinh ngày 16/9/2019. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh P. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Lê Nguyễn An N cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, giao cháu Lê Nguyễn An N. cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 02/3/2023 cho anh Lê Văn P, chị Nguyễn Thị Khánh Q, tuy N chị Q vắng mặt và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27/3/2023.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Khánh Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của anh P, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của anh P, chị Q, quá trình Tòa án điều tra, xác minh

thu thập chứng cứ, để có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau về mặt tình cảm, chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để mục đích hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Q không đến Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bản thân chị Q cũng muốn ly hôn với anh P khi hoà giải chị cũng không có mặt. Nhận thấy vợ chồng anh P, chị Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh P được ly hôn với chị Q là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giữa anh P và chị Q cũng thỏa thuận giao Lê Nguyễn An N cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Nguyễn An N. cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận: giao cháu Lê Nguyễn An N, sinh ngày 14/3/2014 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Nguyễn An N., sinh ngày 16/9/2019 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tiền cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về Tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Khánh Q; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Lê Nguyễn An N, sinh ngày 14/3/2014 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Lê Nguyễn An N., sinh ngày 16/9/2019 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh P. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về Tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị Khánh Q trình bày anh và chị Q chung sống không có tài sản chung, không có nợ của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2021/0005468 ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; Anh P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường AH, TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan